

Bản tin chứng khoán

Trong số này

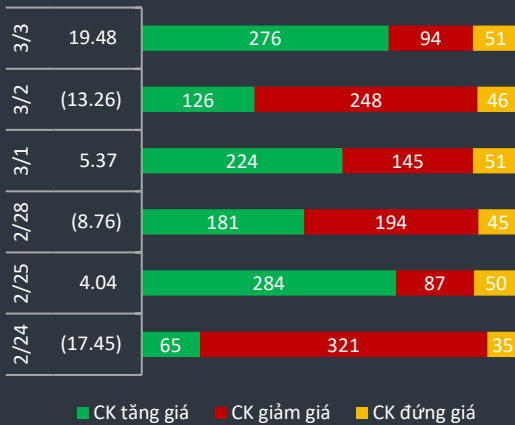
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

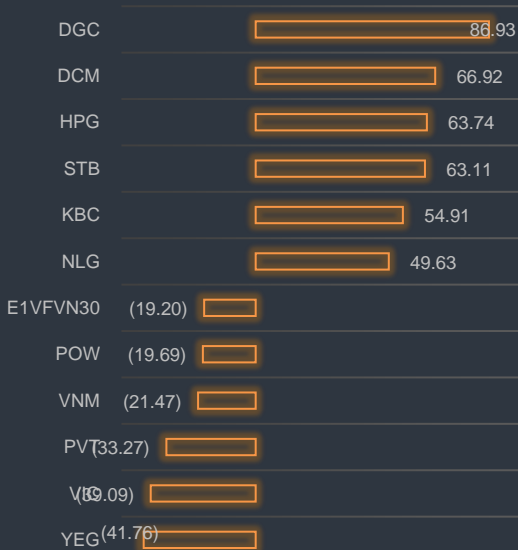
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường đã hồi phục như dự đoán nhờ sự phục hồi lạc quan của chứng khoán Mỹ đêm hôm trước và ngoài ra nhà đầu tư kỳ vọng nhóm ngân hàng sẽ đảo chiều sau phiên rút nặng hôm qua. Phiên hôm trước khối tự doanh đã tận dụng mua ròng khá lớn cổ phiếu ngân hàng vì vậy niềm tin này càng được củng cố. Sau khoảng 1 giờ đầu giao dịch mang tính thăm dò thị trường dần nở rộng đà tăng đến giữa phiên sáng nhờ nỗ lực hồi phục của nhóm vốn hóa lớn.

Nhóm thép với sự dẫn dắt của HPG đã bùng nổ trong ngày với mức tăng trung bình hơn 5%. Điều đặc biệt là đã rất lâu mới xuất hiện hình ảnh HPG tăng trần và thanh khoản vượt 76 triệu cổ phiếu. POM, NKG, HSG đều gần ngấp nghé mức giá trần. Cổ phiếu thép tăng mạnh nhờ thông tin giá thép giao sau tại Trung Quốc đã tăng lên mức cao nhất trong hơn hai tuần do xung đột Nga-Ukraine thúc đẩy nhu cầu đối với thép Trung Quốc ở nước ngoài. Nga đang phải đối mặt với làn sóng trừng phạt kinh tế chưa từng có từ các đồng minh phương Tây vì cuộc xâm lược Ukraine, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch thương mại thép toàn cầu, trong khi Ukraine chiếm 4%. Vì vậy thế giới phải tìm nguồn cung lớn thay thế mà chủ yếu là từ Trung Quốc.

Các nhóm ngành logistic, dệt may, dầu khí, khoáng sản cũng đều bức phá tốt trong ngày. Cổ phiếu logistic, cảng biển đáng chú ý nhất là GMD, PVT, DXP, HAH, VSC đều có mức tăng trên 6%. Cổ phiếu dệt may có TNG, TCM, GIL duy trì đà tăng ổn định. TNG vừa công bố sớm kết quả kinh doanh với doanh thu tháng 2 đạt 334 tỷ đồng, giảm 35% so với tháng trước nhưng tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 2 tháng đầu năm, doanh thu đạt xấp xỉ 852 tỷ đồng, gấp lần lượt 1,46 lần và 1,66 lần thực hiện năm 2021 và 2020.

Nhóm ngành ngân hàng xanh nhẹ nhưng chưa đạt như mức kỳ vọng của nhà đầu tư. Hầu hết các cổ phiếu đã giảm mạnh hôm qua chỉ hồi nhẹ từ 2-3% hôm nay như HDB, VPB, MSB, STB, CTG, MBB. Thanh khoản chung của nhóm ngân hàng cũng chỉ bùng lên ở những phút đầu giao dịch sau đó chậm lại.

Vnindex 1,505

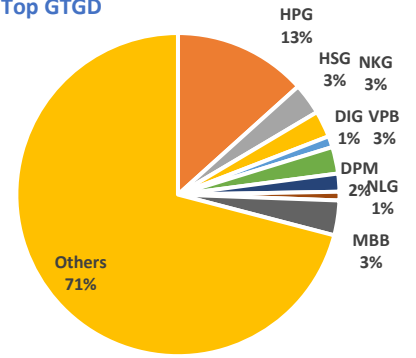
▲ +19.48 (+1.31%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	50.1	3,200	6.82
HDB	28.3	900	3.29
VPB	37.5	950	2.60
GVR	36.3	900	2.54
REE	75.7	1,700	2.30
PLX	62.8	1,300	2.11
NVL	78.0	1,600	2.09
STB	31.9	600	1.92
BCM	80.0	1,500	1.91
CTG	32.6	600	1.88
MBB	33.1	600	1.85
ACB	33.5	550	1.67
SSI	45.5	700	1.56
MWG	136.5	2,000	1.49
MSN	159.1	2,100	1.34
GAS	120.7	1,500	1.26
PDR	88.0	800	0.92
TCB	49.7	450	0.91
BID	42.8	350	0.82
VHM	78.0	500	0.65
VCB	85.5	500	0.59
PNJ	104.0	600	0.58
VIB	46.0	200	0.44
FPT	93.4	300	0.32
VIC	79.0	100	0.13
TPB	41.5	50	0.12
BVH	59.0	-	-
HVN	25.0	-	-
DHG	117.9	(100)	(0.08)
VNM	78.4	(100)	(0.13)
VRE	32.7	(100)	(0.30)
VJC	143.4	(1,600)	(1.10)
SAB	167.1	(1,900)	(1.12)
POW	17.2	(250)	(1.43)



Top GTGD



Dòng tiền đang đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu dầu khí, logistics, hóa chất, thép, dệt may, BĐS KCN trong ngắn hạn. Những cổ phiếu đại diện của các nhóm ngành này như **PVS, GAS, PVT, GMD, HAH, CSV, DCM, DPM, HSG, HPG, NKG, TNG, TCM, GVR, SZC** vẫn ưu tiên nắm giữ và giao dịch ngắn hạn. Một số nhóm cổ phiếu đã tăng khá nhiều như phân bón có thể có những nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể tận dụng chốt lãi ở những phiên tăng mạnh như hôm nay và tích lũy dần lướt sóng ở những phiên điều chỉnh. Hạn chế mua đuổi giá và margin quá cao trong giai đoạn hiện tại.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VPB	37.5	1.5	35	45	Mua mới quanh 37-38. Mục tiêu 45	2/25/2022	-0.5%
TCM	73.0	9.0	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	9.0%
KBC	56.1	(1.8)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	0.2%
HPG	50.1	8.9	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	11.3%
FTS	58.0	0.2	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	11.5%
TNG	36.7	7.9	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 40	2/7/2022	26.6%
DPM	59.6	10.0	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 65	2/7/2022	41.9%
VCI	62.9	4.0	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	8.4%
GVR	36.3	7.7	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	13.4%
REE	75.7	3.0	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	16.5%
NLG	56.8	8.4	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	7.2%
OCB	26.2	(2.4)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	-2.6%
TCB	49.7	(1.7)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	-0.6%
CTG	32.6	(3.7)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-6.9%
STK	55.9	3.1	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	5.5%
VIB	46.0	(1.8)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-2.1%
MBB	33.1	(2.6)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	14.1%
MWG	136.5	(0.2)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	1.1%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Khoáng sản	5.20
Vận tải - Logistics	4.45
Sản xuất và KD Thép	4.39
Dầu khí	2.98
Hóa chất	2.97
Dệt May	2.77
Cao su	2.33
Bất động sản KCN	2.25
Thủy sản	2.16
Dịch vụ tài chính	1.96
Công nghệ Thông tin	1.76
Thực phẩm và đồ...	1.76
Bán lẻ	1.69
Bao bì	1.62
Tài nguyên Cơ bản	1.59
Xây dựng	1.57
Vật liệu xây dựng	1.50
Ngân hàng	1.29
Y tế	1.00
Ô tô và phụ tùng	0.94
Hàng & Dịch vụ...	0.90
Viễn thông	0.72
Phân bón	0.62
Bất động sản	0.58
Bảo hiểm	0.50
Điện	0.48
Truyền thông	0.37
Du lịch và Giải trí	0.32
Hàng cá nhân & Gia...	0.32
Nước(0.52)	

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền – Đã thông qua phương án phát hành tối đa 2.000 tỷ đồng trái phiếu, giá chào bán bằng mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất cố định tối thiểu 9%/năm và tối đa là 10%/năm. Thời gian thực hiện trong quý II/2022.

TDM - CTCP Nước Thủ Dầu Một - Năm 2022, Công ty đặt kế hoạch nước tiêu thụ hơn 71 triệu m3, tăng 12% so với cùng kỳ, tổng doanh thu 510 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế 246,7 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ và cổ tức dự kiến 13%.

DHG - CTCP Dược Hậu Giang - Năm 2022, DHG đặt chỉ tiêu doanh thu thuần đạt 4.220 tỷ đồng, tăng 5,4% so với doanh thu đạt được năm 2021. Trong khi đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế kỳ vọng đạt 853 tỷ đồng, giảm 1,2% so với thực hiện năm 2021. Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ chia cổ tức tỷ lệ 30% bằng tiền mặt cho cổ đông.

CKG - CTCP Tập đoàn Tư vấn đầu tư và Xây dựng Kiên Giang - Đã phát hành 4,1 triệu cổ phiếu ESOP cho 76 người lao động, tương đương 4,97% tổng số lượng cổ phiếu lưu hành với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là 25/2/2022.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Đã thông qua kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu. Toàn số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh của Novaland thông qua việc tăng vốn hoạt động tại các công ty con.

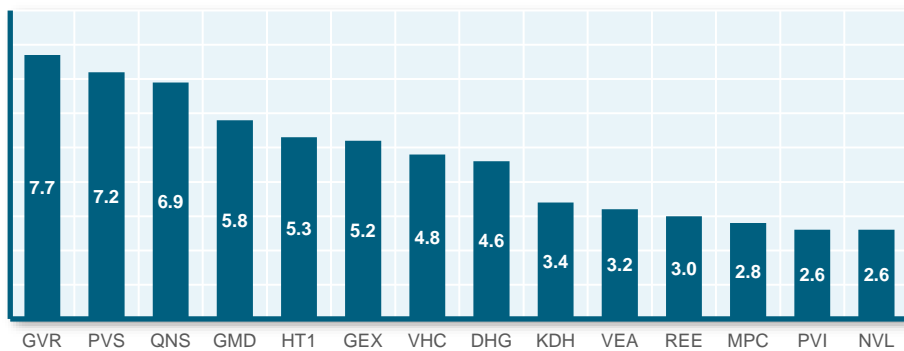
Trong đó, Novaland dự kiến bổ sung thêm 3.925 tỷ đồng vào CTCP Nova Hospitality; 1.150 tỷ đồng vào CTCP Đầu tư Địa ốc No Va và 800 tỷ đồng vào CTCP Địa ốc No Va Mỹ Đình. Tổng giá trị vốn bổ sung đạt 5.875 tỷ đồng.

FIR - CTCP Địa ốc First Retail – Đã thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với một số lô đất thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư An Phú tại TP. Tam kỳ, tỉnh Quảng Nam cho bên nhận chuyển nhượng là CTCP Phát triển hạ tầng Quảng Nam.

TNG - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Trong tháng 2, tổng doanh thu TNG đạt trên 334 tỷ đồng, tăng 71,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái, tương đương tăng 27%. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu doanh nghiệp đạt xấp xỉ 852 tỷ đồng, gấp 1,46 lần so với cùng kỳ năm 2021 và gấp 1,66 lần so với cùng kỳ năm 2020.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS
VPB	HOSE	37.5	20,145,000	14.3	2.0	-	200,700	166,483	16.98	2,621
VIB	HOSE	46.0	2,259,100	11.1	2.9	16,100	-	71,445	20.49	4,127
VCB	HOSE	85.5	1,052,200	14.5	2.9	654,300	375,300	404,630	23.65	5,907
VBB	UPCOM	17.1	32,757	16.2	1.4	-	-	8,168	-	1,058
VAB	UPCOM	14.6	701,297	9.9	1.0	-	-	7,883	0.01	1,477
TPB	HOSE	41.5	4,590,700	13.6	2.5	151,900	97,200	65,643	29.90	3,054
TCB	HOSE	49.7	7,391,900	9.7	1.9	-	-	174,317	22.47	5,138
STB	HOSE	31.9	19,790,900	17.6	1.8	2,464,200	456,000	60,044	19.11	1,810
SSB	HOSE	37.9	1,945,800	21.5	3.0	10,400	-	55,961	0.02	1,763
SHB	HOSE	21.1	6,319,000	11.3	1.6	355,000	-	56,271	3.31	1,868
SGB	UPCOM	18.3	206,299	-	1.5	-	-	5,636	0.01	398
PGB	UPCOM	32.0	39,062	36.4	2.3	-	-	9,600	15.00	878
OCB	HOSE	26.2	2,624,800	8.1	1.6	2,000	1,200	35,891	22.00	3,216
NVB	HNX	30.5	50,633	-	2.9	-	-	12,408	8.33	3
NAB	UPCOM	20.3	144,500	-	-	400	-	13,326	(2.58)	-
MSB	HOSE	26.0	6,329,500	9.8	1.8	-	28,000	39,715	30.00	2,641
MBB	HOSE	33.1	29,987,400	9.8	2.0	494,600	518,900	125,062	23.23	3,361
LPB	HOSE	22.3	10,765,100	9.3	1.6	2,098,900	4,100	27,559	4.83	2,387
KLB	UPCOM	27.2	239,552	12.9	2.1	-	-	9,832	0.01	2,109
HDB	HOSE	28.3	4,099,800	9.4	1.8	955,900	258,600	56,845	16.30	3,016
EIB	HOSE	32.1	678,000	41.1	2.2	11,300	12,500	39,403	29.68	781
CTG	HOSE	32.6	6,542,200	11.1	1.7	110,500	557,600	156,667	25.83	2,932
BVB	UPCOM	20.1	2,502,860	29.6	1.6	100	-	7,379	0.13	678
BID	HOSE	42.8	2,473,700	20.5	2.5	80,700	26,100	216,505	16.85	2,090
BAB	HNX	22.6	62,315	23.4	1.9	-	-	17,021	-	964
ACB	HOSE	33.5	8,167,100	9.4	2.0	-	-	90,380	30.00	3,554
ABB	UPCOM	16.7	1,133,404	7.5	1.0	200	-	15,714	14.22	2,238
			140,274,879	15.76	1.98	7,406,500	2,536,200	1,949,788		2,310



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DAE	HNX	18/03/2022	21/03/2022	29/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PDN	HOSE	17/03/2022	18/03/2022	6/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	ADC	HNX	14/03/2022	15/03/2022	25/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GTN	HOSE	8/3/2022	9/3/2022		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 16:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	HDA	HNX	7/3/2022	8/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HEV	HNX	7/3/2022	8/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PNJ	HOSE	7/3/2022	8/3/2022	7/4/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SAB	HOSE	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	KMT	HNX	2/3/2022	3/3/2022	23/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DAD	HNX	2/3/2022	3/3/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	IDV	HNX	2/3/2022	3/3/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	SVD	HOSE	1/3/2022	2/3/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
14	VGT	UPCoM	28/02/2022	1/3/2022	31/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
18	NDP	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	21/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HEM	UPCoM	22/02/2022	23/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	CCI	HOSE	22/02/2022	23/02/2022	31/03/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DTV	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	4/3/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931